(3) Schematic Design Options • (3) Opciones de diseño esquemático • (3) Tùy chọn thiết kế sơ đồ • (3) خيارات التصميم التخطيطي • ရွေးချယ်မှုများ

* We are working with Portland Bureau of Transportation (PBOT) on determining the impact of providing parking on the site as a part of the park development project and will report back to you as we have more information.
* Estamos trabajando con la Oficina de Transporte de Portland (PBOT) en la determinación de los impactos de la provisión de estacionamiento en el sitio como parte del proyecto de desarrollo del parque. Les informaremos cuando tengamos más información.
* Chúng tôi đang làm việc với Cục Giao thông vận tải Portland (PBOT) để xác định các ảnh hưởng của việc cung cấp bãi đậu xe trên địa điểm như một phần của dự án phát triển công viên. Chúng tôi sẽ báo cáo lại cho quý vị khi chúng tôi có thêm thông tin.
* نعمل مع مكتب النقل في بورتلاند (PBOT) على تحديد تأثيرات توفير مواقف السيارات في الموقع كجزء من مشروع تطوير الحديقة. سنبلغكم بما لدينا من معلومات.
*ပေါ်တလန်းတွင် ပေါ်တီဆောတွင် တရားကရိုလ ဆာတော်တွင် ကတ္တရာထိုင်တွင် ပြာကါတာခိုင်တခိုင်အလိုံ လေ၊ ဖဉ်(park) ကပေါ်ဖပတ္တဂုဏထိုင်ဖဉ်တွ၊ မေတခါအံၤလီၤ။ ပကတဲပုးကဒါကၢနၤဖဲပသ့ဉ်ညါတ၊ ၮဂ၊ ၮတ၊ ၮကျ ၿ၊အါထိုဉ် နံ ့ဉ်လီၤ.

FORMAL
FORMAL
TRANG TRỌNG
عام
အညီနၢ်အသိး

GRAND LAWN
GRAN CAMPO
SÂN CỎ LỚN
حديقة عشبية
ပျိဖးလ၀ါ

TRADITIONAL
TRADICIONAL
TRUYỀN THỐNG
تقليدي
လ၀အဟဲလိၤစၢၤ

NATURE
NATURALEZA
THIÊN NHIÊN
الطبيعة
နုဆၢ်

DISCOVERY
DESCUBRIMIENTO
KHÁM PHÁ
استكشاف
ယုသ့ဉ်ညါတၢ်

SHADE
SOMBRA
BÓNG RÂM
الظل
တၢ်ကဲ့လိၢ်

COMMUNITY
COMUNIDAD
CỘNG ĐỒNG
المجتمع
ပှၤတ၀ၢ်ခဲလၢ်

ACTIVE
ACTIVO
HOẠT ĐỘNG
نشط
ဟူးဂဲၤ

PROMENADE
PASEO
ĐI DẠO
ممشى منتزه
တ၀ါဟးလိ၁်ကွဲလိ၁ါ

Option 1 - Ellipse • Opción 1 - Elipse • Lựa chọn 1 - Elipse (hình bầu dục) • الخيار الأول – الشكل البيضاوي • တ၊–တၢ်ဖျၢ်ဝယွၢ်

0 20 40 80

KEYNOTES • NOTAS CLAVES • CÁC ĐIỂM CHÍNH • الكمات المفتاحية • တၢ်ဂၢ်မိၢ်ပှၢ်

1. Flexible lawn
   Césped flexible
   Sân cỏ linh hoạt
   حديقة مرنة
   ထုဘီလိၢ်လၢဖိသၣ်ဆံးတဖၣ်အဂီၢ်
2. Picnic and gathering area
   Zona de picnic/reunión
   Khu vực dã ngoại / hội họp
   مكان للتجمع
   ဖုးကနုးလိၢ် / တၢ်ဟ်ဖိုၣ်သးလိၢ်
3. Splash pad
   Zona de chapoteo
   Vòi phun nước
   النافورة
   ထံစံၣ်ဖိုးထိၣ်သးလိၢ်
4. Community garden (25,053 sf)
   jardín comunitario
   Vườn cộng đồng
   حدائق للزراعة للمجتمع
   ကဖျၢ်တၢ်သူၣ်တၢ်ဖုးလိၢ်
5. Playground
   Parques infantiles
   Sân chơi
   اماكن الالعاب
   ဖိသၣ်တၢ်လိာ်ကွဲ့လိၢ်
6. Chin lone / Volleyball
   Barbilla solitaria (chinlone) / voleibol
   Chinlone (cầu mây) / Bóng chuyền
   كرة قدم الطائرة- كرة الطائرة
   ခွလိၢ်လိၢ်
7. Gravel fitness path
   Camino de grava para aptitud física
   Con đường thể dục có trải sỏi
   مسار لياقة
   တၢ်ဝဲလိာ်ကွဲ့ကျ
8. Asphalt parking lot
   Estacionamiento de asfalto
   Bãi đỗ xe bê tông nhựa
   مكان مبلط لصف السيارات
   တၢ်ဟ်ကၢ်လိၢ်
9. Concrete walkway - vehicular rated
   Pasarela de hormigón - con capacidad para vehículos
   Đường đi bộ bằng bê tông - Chịu được sức nặng của xe
   مكان صلب للمشي-
   တၢ်ဟးလိၢ်လၢဘၣ်တၢ်တုသီၤလၢဘဲလၣ်မှၤ
10. Concrete storage pad for community garden use
    Plataforma de almacenamiento de hormigón para uso del jardín comunitario
    Miếng đất bằng bê tông để trữ đồ cho vườn cộng đồng sử dụng
    مخزن صلب لأدوات الحديقة
    ၊ဒးလီၢ်လၢတၢ်ကဟ်တၢ်ဖိတၢ်လံၤလၢမှၤသူၣ်တၢ်ဖိတဖၣ်အဂီၢ်
11. Eco lawn
    Césped eco
    Bãi cỏ sinh thái
    عشب عضوي
    ကရၢ်လၢနိၣ်လါဟ့
12. Street improvements (pending PBOT input)
    Mejoras en las calles (pendiente de la aportación del pbot)
    Cải tiến đường phố (chờ ý kiến của PBOT)
    تعديلات على الشارع من قبل مدينة بورتلاند
    (ဖံဘီၣ်) တၢ်မၤဂုၤထိၣ်ကျဲ
13. Relocated memorial bench and plaque
    Banco y placa conmemorativos
    Ghế đài kỷ niệm & Bảng hiệu
    اماكن تذكارية كالمقعد
    တၢ်ဆုၣ်နီၤလိၢ်
14. Portland Loo (restroom)
    Portland Loo (BAÑO)
    Portland Loo (nhà vệ sinh)
    مرحاض عام
    ကမျၢ်တၢ်ဟးလီၤ
15. 1/5 Mile circle loop - 400 steps
    Bucle circular de 1/5 de milla - 400 pasos
    Vòng tròn 1/5 dặm - 400 các bước
    نص ميل حلقة دائرية- ٤٠٠ خطوة
    ၁/၅ မံးလးကဒီၤ
16. Flexible entry space
    Espacio de entrada flexible
    Lối vào linh hoạt
    مكان متعدد الدخول
    လၤနၣ်လိၢ်လၢ (ဖၣ်) ညီ

LEGEND • LEYENDA • CHÚ THÍCH • مفتاح الخريطة • KAREN

- EXISTING TREES
  ÁRBOLES EXISTENTES
  NHỮNG CÂY HIỆN CÓ
  أشجار قديمة
  သှၣ်လၢအိၣ်ဟ်စၢ
- PROPOSED TREES
  ÁRBOLES PROPUESTOS
  NHỮNG CÂY ĐƯỢC ĐỀ XUẤT
  أشجار مطروحة
  သှၣ်လၢနၣ်ဘၣ်သး

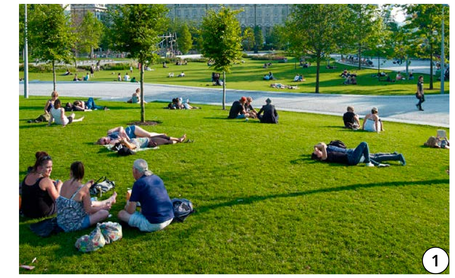

FORMAL
FORMAL
TRANG TRỌNG
عام
အညီနၢ်အသိး

GRAND LAWN
GRAN CAMPO
SÂN CỎ LỚN
حديقة عشبية
ပျိဖးလၢ်

TRADITIONAL
TRADICIONAL
TRUYỀN THỐNG
تقليدي
လၢအဟ်လီၤစၢ

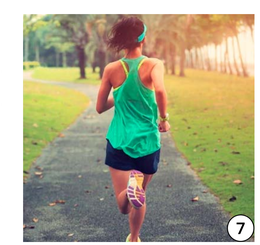

PORTLAND PARKS & RECREATION™
Healthy Parks, Healthy Portland

Mayer/Reed

MILL PARK

Option 1 - Ellipse • Opción 1 - Elipse • Lựa chọn 1 - Elipse (hình bầu dục) • الخيار الأول – الشكل البيضاوي • တ၊–တ၀ါဖျာဉပယ္ဝင်

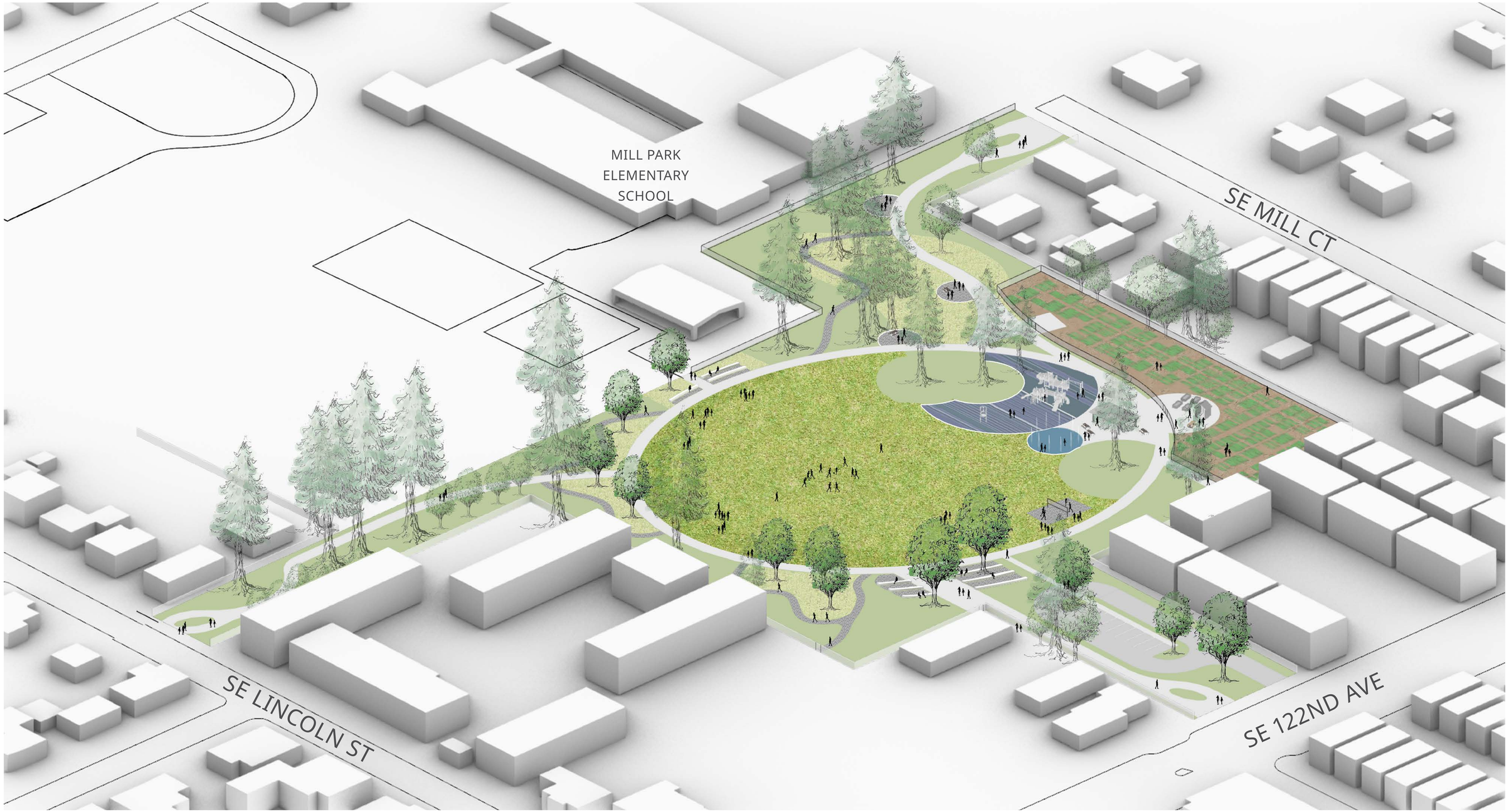

Option 2 - Oasis • Opción 2 - Oasis • Lựa chọn 2 - Oasis (hình ốc đảo) • الخيار الثاني – الواحه • ခံ–နှုဆၢၢ်တၢ်မၤဂၤ

KEYNOTES • NOTAS CLAVES • CÁC ĐIỂM CHÍNH • الكمات المفتاحية • တၢ်ဂၤမိၢ်ပၢ်

1. Flexible lawn
   Césped flexible
   Sân cỏ linh hoạt
   حديقة مرنة
   ထူဘီလီၢ်လၢဖီသဉ်ဆံးတဖဉ်အဂီၢ်
2. Picnic and gathering area
   Zona de picnic/reunión
   Khu vực dã ngoại / hội họp
   مكان للتجمع
   ဖုးကနးလီၢ် / တၢ်ဟ်ဖျိဉ်သးလီၢ်
3. Splash pad
   Zona de chapoteo
   Vòi phun nước
   النافورة
   ထဲစံဉ်ဖျိးထိဉ်သးလီၢ်
4. Community garden (21,855 sf)
   Jardín comunitario
   Vườn cộng đồng
   حدائق للزراعة للمجتمع
   ကမျၢ်တၢ်သူဉ်တၢ်ဖျးလီၢ်
5. Playground ages 5-12
   Parques infantiles de 5 a 12 años
   Sân chơi cho độ tuổi 5-12
   ملعب للأطفال من ٥-١٢ سنة
   ဖီသဉ်တၢ်လိာ်ကွဲလီၢ်လၢ ၅–၁၂ နံဉ်အဂီၢ်
6. Playground ages 5 and below
   Parque infantil de 5 años o menos
   Sân chơi cho độ tuổi 5 hoặc nhỏ hơn
   ساحة العاب للأطفال في الخامسة او اقل
   ဖီသဉ်တၢ်လိာ်ကဲ့လီၢ် ၅ နံဉ်ဆူဖီလာ်
7. Chin lone / Volleyball
   Barbilla solitaria (chinlone) / voleibol
   Chinlone (cầu mây) / Bóng chuyền
   كرة قدم الطائرة- كرة الطائرة
   ခွလီလီၢ်
8. Fitness area with equipment
   Zona de fitness con equipamiento
   Khu vực tập thể dục có dụng cụ
   مكان للياقة البدنية مزود بالمعدات
   တၢ်ဂဲၤလိာ်ကွဲအဖီးအလီ
9. Concrete walkway - vehicular rated
   Pasarela de hormigón - con capacidad para vehículos
   Đường đi bộ bằng bê tông - Chịu được sức nặng của xe
   مكان صلب للمشي-
   တၢ်ပးလီၢ်လၢဘဉ်တၢ်တုအီၤလၢတဲလဉ်မှၤ
10. Concrete storage pad for community garden use
    Plataforma de almacenamiento de hormigón para uso del jardín comunitario
    Miếng đất bằng bê tông để trữ đồ cho vườn cộng đồng sử dụng
    مخزن صلب لأدوات الحديقة
    ဘးလီၢ်လၢတၢ်ကဟ်တၢ်ဖိတၢ်လံၤလၢပှၤသူဉ်တၢ်ဖိတဖဉ်အဂီၢ်
11. Eco lawn
    Césped eco
    Bãi cỏ sinh thái
    عشب عضوي
    ကရၢ်လၢနီဉ်လါဟ့
12. Street improvements (pending PBOT input)
    Mejoras en las calles (pendiente de la aportación del pbot)
    Cải tiến đường phố (chờ ý kiến của PBOT)
    تعديلات على الشارع من قبل مدينة بورتلاند (ؤ)
    (ဖဘီဉ်) တၢ်မၤဂၤထိဉ်ကျဲ
13. Relocated memorial bench and plaque
    Banco y placa conmemorativos
    Ghế đài kỷ niệm & Bảng hiệu
    أماكن تذكارية كالمقعد
    တၢ်ဆုဉ်နီၤလီၢ်
14. Portland Loo (restroom)
    Portland Loo (BAÑO)
    Portland Loo (nhà vệ sinh)
    مرحاض عام
    ကမျၢ်တၢ်ဟးလီၢ်
15. 1/5 Mile circle loop - 400 steps
    Bucle circular de 1/5 de milla - 400 pasos
    Vòng tròn 1/5 dặm - 400 các bước
    نص ميل حلقة دائرية- ٤٠٠ خطوة
    ၁/၅ မံးလးကဒီၤ
16. Flexible entry space
    Espacio de entrada flexible
    Lối vào linh hoạt
    مكان متعدد الدخول
    လဲၤနှဉ်လီၤလၢ (ခနှ်) ညီ

LEGEND • LEYENDA • CHÚ THÍCH • مفتاح الخريطة • KAREN

- EXISTING TREES
  ÁRBOLES EXISTENTES
  NHỮNG CÂY HIỆN CÓ
  أشجار قديمة
  သူဉ်လၢအိုဉ်ဟ်စၢၤ
- PROPOSED TREES
  ÁRBOLES PROPUESTOS
  NHỮNG CÂY ĐƯỢC ĐỀ XUẤT
  أشجار مطروحة
  သူဉ်လၢနှဘဉ်သး

NATURE
NATURALEZA
THIÊN NHIÊN
الطبيعة
နှုဆၢဉ်

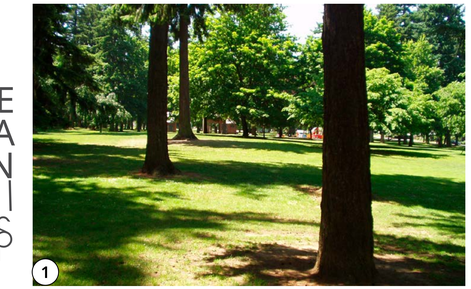

DISCOVERY
DESCUBRIMIENTO
KHÁM PHÁ
استكشاف
ယုသူဉ်ညါတၢ်

SHADE
SOMBRA
BÓNG RÂM
الظل
တၢ်ကဲ့ လီၢ်

PORTLAND PARKS & RECREATION™
Healthy Parks, Healthy Portland

Mayer/Reed

MILL PARK

Option 2 - Oasis • Opción 2 - Oasis • Lựa chọn 2 - Oasis (hình ốc đảo) • الخيار الثاني – الواحه • ခံ–နှုတ်ကပ်မဟာဂျ

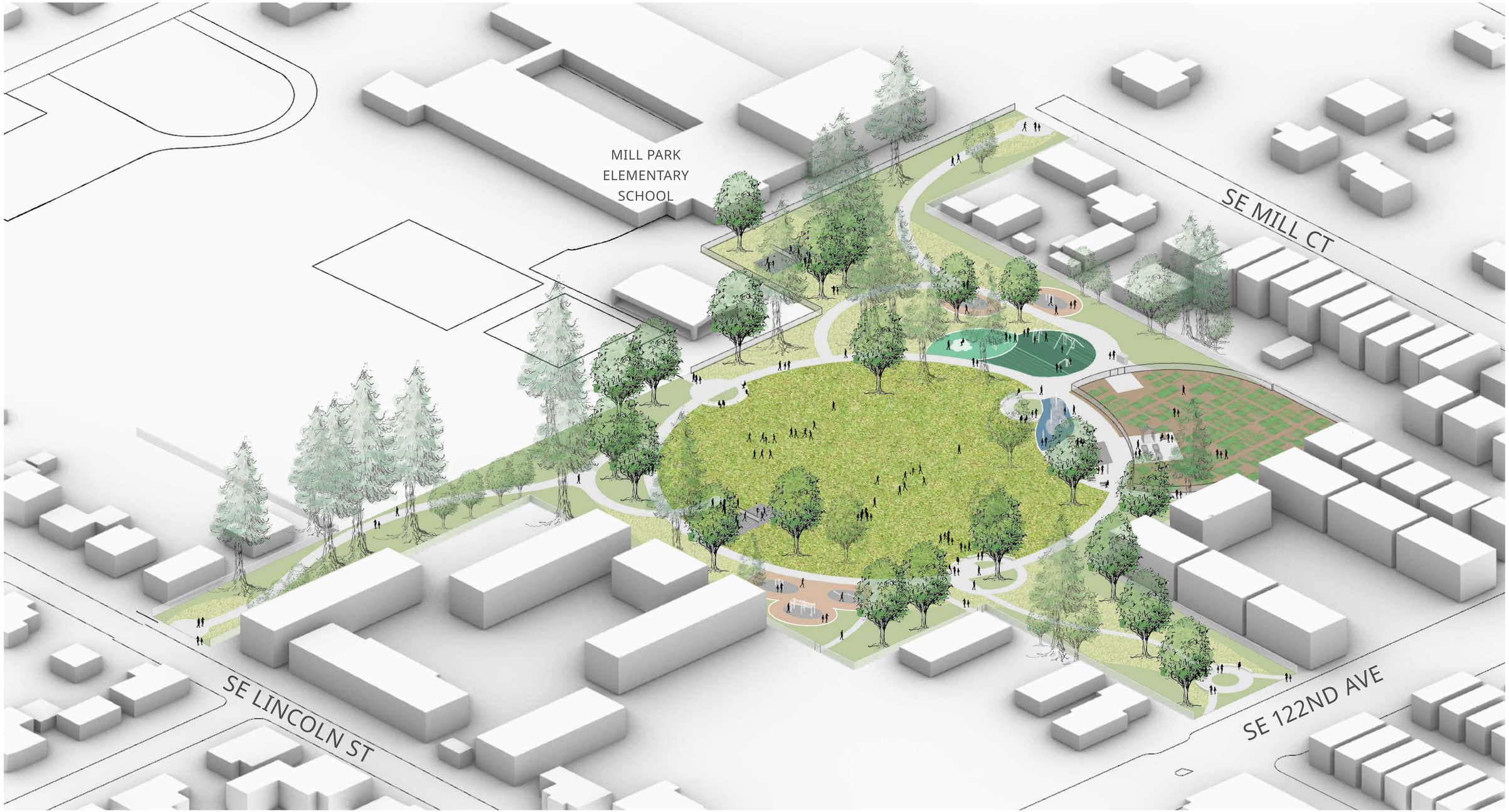

Option 3 - Paseo • Opción 3 - Paseo • Lựa chọn 3 - Paseo • الخيار الثالث – الممشى • သာ–တေါ်ဟားကျဲ

KEYNOTES • NOTAS CLAVES • CÁC ĐIỂM CHÍNH • الكمات المفتاحية • တော်ဂုဏ်မြိုပ္ပါ

1. Flexible lawn
   Césped flexible
   Sân cỏ linh hoạt
   حديقة مرنة
   ထူဘီလီ၀ါလၢဖိသဉ်ဆံးတဖဉ်အဂီၢ်
2. Picnic and gathering area
   Zona de picnic/reunión
   Khu vực dã ngoại / hội họp
   مكان للتجمع
   ဖုးကနးလီၢ် / တၢ်ဟ်ဖျိဉ်သးလီၢ်
3. Splash pad
   Zona de chapoteo
   Vòi phun nước
   ةرفوانلا
   ထံစံဉ်ဖျိုးထိဉ်သးလီၢ်
4. Community garden (21,855 sf)
   Jardín comunitario
   Vườn cộng đồng
   حدائق للزراعة للمجتمع
   ကမ္ဟၢ်တၢ်သူဉ်တၢ်ဖုးလီၢ်
5. Playground ages 5-12
   Parques infantiles de 5 a 12 años
   Sân chơi cho độ tuổi 5-12
   ملعب للأطفال من ٥-١٢ سنة
   ဖိသဉ်တၢ်လိ$^{\text{ာ}}$ကဲ့လီၢ်လ၊ ၅–၁၂ နံ$^{\text{ာ}}$အဂီၢ်
6. Playground ages 5 and below
   Parque infantil de 5 años o menos
   Sân chơi cho độ tuổi 5 hoặc nhỏ hơn
   ساحة العاب للأطفال في الخامسة او اقل
   ဖိသဉ်တၢ်လိ$^{\text{ာ}}$ကဲ့ဃလီၢ် ၅ နံ$^{\text{ာ}}$ဆုဖီလာ်
7. Chin lone / Volleyball
   Barbilla solitaria (chinlone) / voleibol
   Chinlone (cầu mây) / Bóng chuyền
   كرة الطائرة -كرة قدم الطائرة
   ခွလိလီၢ်
8. Fitness area with equipment
   Zona de fitness con equipamiento
   Khu vực tập thể dục có dụng cụ
   مكان للياقة البدنية مزود بالمعدات
   တၢ်ဂဲၤလိ$^{\text{ာ}}$ကဲ့အပီးအလီ
9. Concrete walkway - vehicular rated
   Pasarela de hormigón - con capacidad para vehículos
   Đường đi bộ bằng bê tông - Chịu được sức nặng của xe
   တၢ်ပားလီၢ်လၢဘဉ်တၢ်တုအီၤလၢတံလဉ်မ့၊
   مكان صلب للمشي-
10. Concrete storage pad for community garden use
    Plataforma de almacenamiento de hormigón para uso del jardín comunitario
    Miếng đất bằng bê tông để trữ đồ cho vườn cộng đồng sử dụng
    مخزن صلب لأدوات الحديقة
    ဒၢးလီၢ်လၢတၢ်ကဟ်တၢ်ဖိတၢ်လံၤလၢပှၤသူဉ်တၢ်ဖိတဖဉ်အဂီၢ်
11. Eco lawn
    Césped eco
    Bãi cỏ sinh thái
    عشب عضوي
    ကရၢ်လၢနိ$^{\text{ာ}}$ဉ်လါဟ့
12. Street improvements (pending PBOT input)
    Mejoras en las calles (pendiente de la aportación del pbot)
    Cải tiến đường phố (chờ ý kiến của PBOT)
    تعديلات على الشارع من قبل مدينة بورتلاند
    (ဖဘီဉ်) တၢ်ဒဲဂုၤထိ$^{\text{ာ}}$ဉ်ကျဲ
13. Relocated memorial bench and plaque
    Banco y placa conmemorativos
    Ghế đài kỷ niệm & Bảng hiệu
    أماكن تذكارية كالمقعد
    တၢ်ဆုဉ်နီၤလီၢ်
14. Portland Loo (restroom)
    Portland Loo (BAÑO)
    Portland Loo (nhà vệ sinh)
    مرحاض عام
    ကချၢ်တၢ်ဟားလီၢ်
15. 1/4 Mile circle loop - 500 steps
    Bucle circular de 1/4 de milla - 500 pasos
    Vòng tròn 1/4 dặm - 500 các bước
    ربع ميل حلقة – ٥٠٠ خطوة
    ၁/၄တၢ်ဟားလီၢ် ၆၅၀၀ ခါ
16. Flexible entry space
    Espacio de entrada flexible
    Lối vào linh hoạt
    مكان متعدد الدخول
    လၢနှာ်လီၢ်လ၊ (ဖ$^{\text{ာ}}$) ညီ

LEGEND • LEYENDA • CHÚ THÍCH • مفتاح الخريطة • KAREN

EXISTING TREES
ÁRBOLES EXISTENTES
NHỮNG CÂY HIỆN CÓ
أشجار قديمة
သူဉ်လၢအိ$^{\text{ာ}}$ဉ်ဟ်စၢၤ

PROPOSED TREES
ÁRBOLES PROPUESTOS
NHỮNG CÂY ĐƯỢC ĐỀ XUẤT
أشجار مطروحة
သူဉ်လၢနှဘဉ်သး

ACTIVE
ACTIVO
HOẠT ĐỘNG
نشط
ဟူးဂဲၤ

PROMENADE
PASEO
ĐI DẠO
ممشى منتزه
တၢ်ဟားလိ$^{\text{ာ}}$ကဲ့လီၢ်

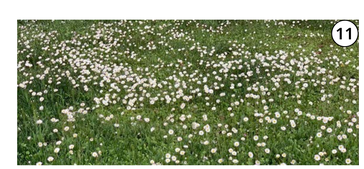

COMMUNITY
COMUNIDAD
CỘNG ĐỒNG
المجتمع
ပှၤတ$^{\text{ာ}}$ဝၢဒဲ$^{\text{ာ}}$လၢ$^{\text{ာ}}$

PORTLAND PARKS & RECREATION™
Healthy Parks, Healthy Portland

Mayer/Reed

MILL PARK

Option 3 - Paseo • Opción 3 - Paseo • Lựa chọn 3 - Paseo • الخيار الثالث – الممشى • သာ–တ၀ီဟားကျ

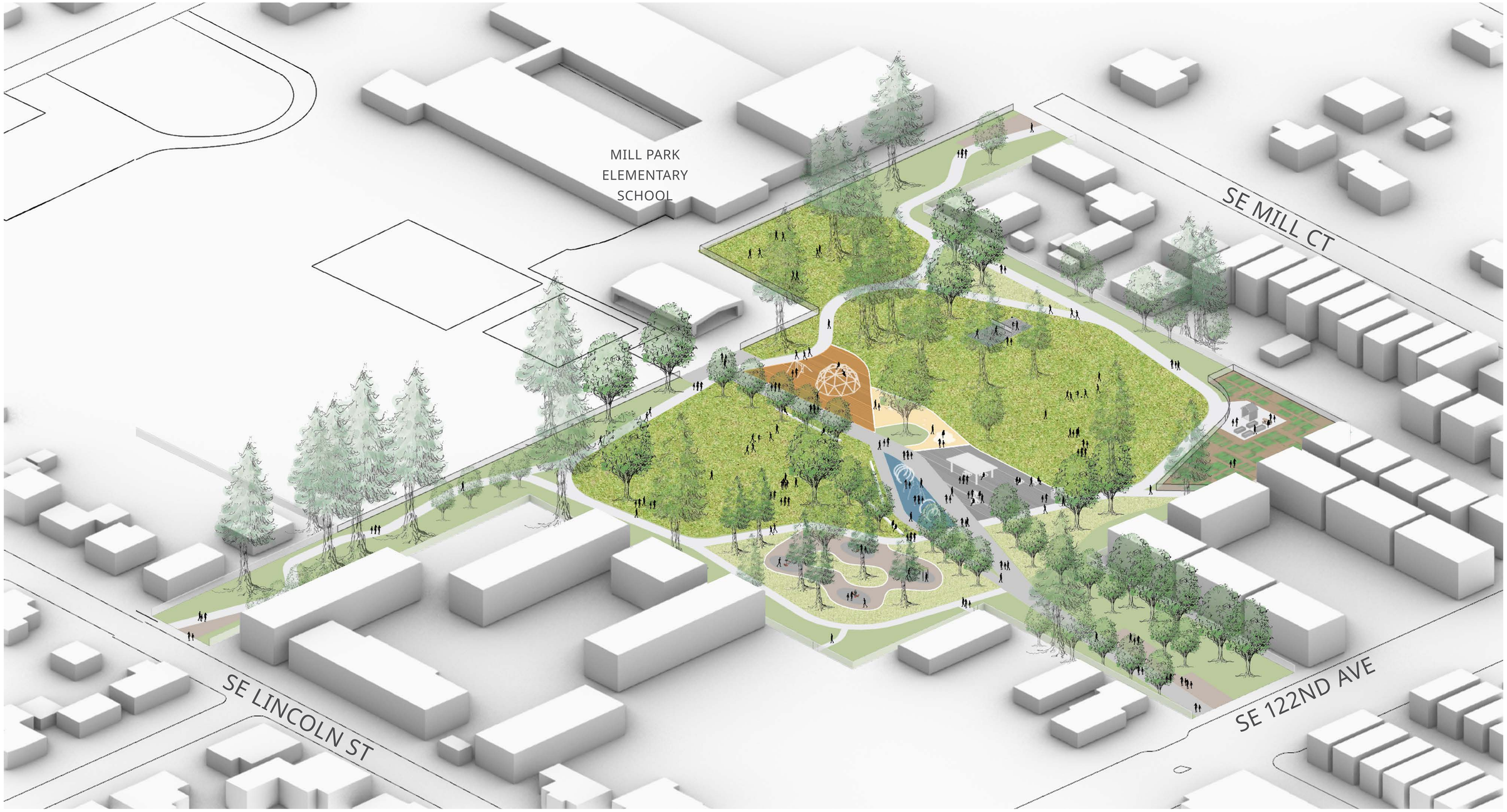

Options Comparison • Comparación de opciones • So sánh các lựa chọn • مقارنة الخيارات • တၢ်ထိၣ်သတြၢ်းတၢ်တိၤကျၢ်းတဖၣ်

FORMAL
FORMAL
TRANG TRỌNG
عام
ᧁᧅᧈᧉᧄᧅᧈᧅᧈᧃᧁ

GRAND LAWN
GRAN CAMPO
SÂN CỎ LỚN
حديقة عشبية
ᏡᏗᏓᏥᏅᏗ

TRADITIONAL
TRADICIONAL
TRUYỀN THỐNG
تقليدي
ᏅᏗᏍᏚᏅᏗᏅᏗᏍᏗᏍᏓᏅ

NATURE
NATURALEZA
THIÊN NHIÊN
الطبيعة
နုဆၢ်

DISCOVERY
DESCUBRIMIENTO
KHÁM PHÁ
استكشاف
ယုသ့ၣ်ညါတၢ်

SHADE
SOMBRA
BÓNG RÂM
الظل
တၢ်ကၤ့်လိၢ်

COMMUNITY
COMUNIDAD
CỘNG ĐỒNG
المجتمع
ပှၤတဝၢခဲလၢ်

ACTIVE
ACTIVO
HOẠT ĐỘNG
نشط
ဟူးဂဲၤ

PROMENADE
PASEO
ĐI DẠO
ممشى منتزه
တၢ်ဟးလိာ်ကွဲလိၢ်